

LIÊN DOANH VIỆT-NGA
VIETSOVPETRO
TRUNG TÂM CNTT&LL
Số: 3815/25-HSMT-CNTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----oOo-----

“ THỎA THUẬN ”
“ СОГЛАСОВАНО ”
Chánh kỹ sư Trung Tâm CNTT&LL
Главный Инженер ЦИТиС

“ PHÊ DUYỆT ”
“ УТВЕРЖДАЮ ”
Giám đốc Trung tâm CNTT&LL
Директор ЦИТиС

Небоженко В.А.
Ngày tháng năm 2025
Om / /2025г.

Данг Динь Конг
Ngày tháng năm 2025
Om / /2025г.

YÊU CẦU BÁO GIÁ ЗАПРОСЫ ПРЕДЛОЖЕНИЙ ЦЕН

Tên gói thầu: Thiết bị văn phòng và dụng cụ đồ gỗ cho Trung tâm
CNTT&LL

Đơn hàng số/ Заявка №: VT-3778/25-CNTT-TTH

I. DANH MỤC BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ/ ПЕРЕЧЕНЬ ЗАПРОСОВ ПЕРЕДЛОЖЕНИЙ ЦЕН

Chương I. YÊU CẦU NỘI DUNG BÁO GIÁ

Chương II. BIỂU MẪU:

1. Đơn chào hàng.
2. Giấy ủy quyền.
3. Bảng giá chào của hàng hóa/dịch vụ.
4. Dự thảo hợp đồng.

Chương III. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU:

- A. Danh mục cung cấp hàng hóa/ dịch vụ.
- B. Yêu cầu kỹ thuật.
- C. Tiêu chí đánh giá kỹ thuật.

II. DANH MỤC TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐÍNH KÈM/ ПЕРЕЧЕНЬ СВЯЗАННЫХ ПРИЛОЖЕННЫХ ДОКУМЕНТОВ

1. Đơn hàng số VT-3778/25-CNTT-TTH duyệt ngày 13/10/2025
Заявка № VT-3778/25-CNTT-TTH Дата утверждения: 13/10/2025г.

Ký tắt/ Виза:

CVC Trung tâm CNTT&LL
Tổ trưởng tổ chuyên gia

Nguyễn Văn Thành



**Phó Giám đốc Trung tâm CNTT&LL
Tổ phó tổ chuyên gia kỹ thuật**

Dương Khắc Tuấn

Các thành viên Tổ chuyên gia:

Trưởng Ban SCTB

Trần Công Thịnh

Kỹ sư SCTB

Phạm Văn Hưng

Kế toán

Nguyễn Thị Liên

NTH: Kỹ sư

Bùi Thị Hoa



BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Số hiệu gói thầu: VT-3778/25-CNTT-TTH

**Tên gói thầu: Thiết bị văn phòng và dụng cụ đồ gỗ cho Trung tâm
CNTT&LL**

Phát hành ngày:

**Ban hành kèm theo Quyết định:/TTLL phê duyệt ngày:
...../...../2025**



TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Chủ đầu tư/bên mời thầu	Chủ đầu tư đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư phát triển, bên mời thầu đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên
Dự án	Dự án đầu tư phát triển hoặc dự toán mua sắm thường xuyên



Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư/ bên mời thầu là: Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro ủy quyền cho Trung tâm CNTT&LL.
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) gói thầu “**Thiết bị văn phòng và dụng cụ đồ gỗ cho Trung tâm CNTT&LL**”, số hiệu gói thầu: **VT-3778/25-CNTT-TTH**.
Phạm vi công việc, danh mục hàng hóa, yêu cầu kỹ thuật, tiêu chí đánh giá yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương III của bản yêu cầu báo giá này.
3. Loại hợp đồng: trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng Mẫu số 01 và biểu giá theo Mẫu số 03 (Chương II), các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.
Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.
2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.
3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương II;
2. Biểu giá theo Mẫu số 03 Chương II;
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (giấy phép đăng ký kinh doanh).

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là **60 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
Bảo lãnh dự thầu: Không yêu cầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp 01 Báo giá theo bản Yêu cầu báo giá. Việc nộp Báo giá có thể thực hiện theo hình thức gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc bằng fax về địa chỉ của Bên mời thầu (sử dụng để nộp báo giá): **Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro – Trung tâm CNTT&LL: số 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, tp. Hồ Chí Minh**) không muộn hơn **14 giờ 00 phút, ngày/...../2025**. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

- Nhà thầu gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện theo địa chỉ: - **Ông Đặng Đình Công-Giám đốc - Trung tâm CNTT&LL- thuộc Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro. số 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh.**

- Ngoài ra, nhà thầu có thể gửi thư điện tử (email) theo địa chỉ: hoabt.ts@vietsov.com.vn (trường hợp gửi qua email vẫn fax hoặc qua đường bưu điện)

- Hoặc nhà thầu gửi fax theo số fax: 0254. 839871 / 2250.

Lưu ý: Nhà thầu nên gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;

2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Các phần của gói thầu: **01 Phần. Nhà thầu báo giá cho tất cả các mục hàng hóa và chào đầy đủ số lượng cho từng mục hàng (xét cả gói thầu).**

Chi tiết tại Chương III của Bản yêu cầu báo giá.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo đấu thầu theo quy định.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau:

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp cho bên mời thầu không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận Báo giá và trao hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành, bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng).

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% Giá hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____

Cách tính: Ngày hợp đồng + thời gian giao hàng + 60 ngày

- Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: khi hai bên đã hoàn tất hết các thủ tục thanh toán cho Hợp đồng.

Mục 10. Giải quyết khiếu nại

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng



Chương II. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]
Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]
Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Trong trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, phải nêu rõ trong đơn chào hàng và biểu giá đính kèm.

- Quy cách báo giá: Ghi rõ tổng số trang Báo giá.

1. Đơn chào hàng,
2. Giấy phép kinh doanh,
3. Bảng giá chào của hàng hóa,
4. Bảng chào kỹ thuật của hàng hóa,
5. Giấy ủy quyền (nếu có).

(01 bản chính và 01 bản sao báo giá)

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [ghi tên dự án] do ____ [ghi tên Bên mời thầu] tổ chức:

- Ký đơn chào hàng;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ Yêu cầu báo giá và văn bản giải trình, làm rõ Báo giá hoặc văn bản đề nghị rút Báo giá, sửa đổi, thay thế Báo giá;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ ____ bản.

Người được ủy quyền
[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền
[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà
thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.



BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA/DỊCH VỤ

ĐV tiền tệ: Đồng Việt Nam

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật, ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Nhà sản xuất - Xuất xứ	ĐVT	Số Lượng	Đơn giá dự thầu	Thành tiền chưa bao gồm thuế GTGT	Thuế GTGT	Thành tiền Đã bao gồm thuế GTGT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8 = 6x7)	(9)	(10=8+9)
1							A1	T1	M1
2							A2	T2	M2
...						
n							An	Tn	Mn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa (chưa bao gồm thuế GTGT)							A= A1 + A2 +...+ An		
Thuế GTGT...%								T= T1 + T2 +...+ Tn	
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa (đã bao gồm thuế GTGT)							M = A + T (M=M1+M2+...+Mn)		

Tổng cộng giá trị chào thầu (đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định) theo điều kiện giao hàng tại kho VSP (Bảng chữ):.....

- Hàng mới 100% chưa qua sử dụng, được sản xuất năm.....

- Số lần giao hàng:.....

- Thời hạn giao hàng và địa điểm giao hàng:.....

- Thời hạn bảo hành.....

- Các chứng chỉ khi giao hàng:.....

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (5), (6) ghi phù hợp với phạm vi cung cấp hàng hóa quy định tại Chương III Phần 2 của HSMT; các cột (3), (4), (7), (8), (9), (10) nhà thầu chào.

Giá dự thầu bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hóa theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định (nếu có).



Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

Lưu ý: Nhà thầu phải chào theo đúng Mẫu số 03 (a) của YCBG và **không được thay đổi STT các mục hàng trong Yêu cầu báo giá**. Khi chào thầu nhà thầu làm tròn số học, không lẻ số thập phân.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
----- o0o -----

HỢP ĐỒNG

Số:/25/CNTT-.....

V/v: Mua bán “Thiết bị văn phòng và dụng cụ đồ gỗ cho Trung tâm
CNTT&LL”

Theo đơn hàng VT-3778/25-CNTT-TTH

Căn cứ vào nhu cầu của Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro và khả năng cung cấp của Công ty

Hôm nay, ngày tháng năm 2025, các bên gồm:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên đơn vị : **LIÊN DOANH VIỆT- NGÀ VIETSOVPETRO**

Địa chỉ: 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0254.839871 Ext 2232; Fax: 0254.3563858

Tài khoản số: 008 100 0000011 – Ngân hàng Ngoại Thương CN Hồ Chí Minh.

Mã số thuế: 3500102414

Đại diện là: Ông **Đặng Đình Công** Chức vụ: **Giám đốc TTCNTT&LL**

(Theo ủy quyền số/UQ-PL ngày/..../20.....của Tổng giám đốc Liên doanh Việt- Nga Vietsovpetro).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên đơn vị: **CÔNG TY**

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Tài khoản số: – tại Ngân hàng

Mã số thuế:

Đại diện là: Ông Chức vụ: **Giám Đốc**

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

ĐIỀU 1: Đối tượng hợp đồng

Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán “**Thiết bị văn phòng và dụng cụ đồ gỗ cho Trung tâm CNTT&LL**”- **Lô 09-1** (sau đây gọi tắt là “Hàng hóa”) với tên hàng hóa, đặc tính kỹ thuật, kỹ mã hiệu, số lượng, tên nhà sản xuất-xuất xứ, đơn giá, giá



trị hàng hóa theo Phụ lục 01 (gồm trang) của hợp đồng và là một phần thống nhất và không tách rời của hợp đồng này.

Hàng hóa của Hợp đồng này được Vietsovpetro sử dụng cho hoạt động dầu khí tại Lô 09-1.

ĐIỀU 2: Giá trị hợp đồng

2.1 Tổng giá trị hợp đồng trọn gói là: VNĐ (*Bằng chữ:*). Trong đó:

- Giá trị hàng hóa: VNĐ
- Thuế GTGT 10% : VNĐ

2.2 Giá trị Hợp đồng nêu trên không bao gồm thuế nhập khẩu, không bao gồm thuế GTGT của giá trị hàng hóa nhập khẩu ghi trên Tờ khai Hải quan nhưng bao gồm giá trị hàng hóa, thuế GTGT và các loại phí do Bên B chi trả như vận chuyển, đóng gói, bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, giám định hàng hóa trước khi gửi hàng, và các chi phí khác như chi phí bảo hiểm con người và vật chất của bên B, chi phí bảo hành liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này và các lệ phí khác phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam được tính trên cơ sở giao hàng tại kho Vietsovpetro tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thuế nhập khẩu và thuế GTGT được sử dụng Hạn mức nhập khẩu Lô 09-1 của Bên A để làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa và miễn thuế theo Hiệp định.
- Giá trên là giá cố định và không thay đổi trong suốt thời gian Hợp đồng có hiệu lực.

2.3 Thuế GTGT ghi ở Điều 2.1 khi thanh toán có thể được điều chỉnh theo Luật thuế GTGT hiện hành.

ĐIỀU 3. Quy cách, số lượng, chất lượng hàng hóa

3.1 Quy cách, số lượng, chất lượng, chủng loại, ký mã hiệu, hãng sản xuất, nước sản xuất, năm sản xuất và những thông số khác của hàng hóa do Bên B cung cấp phải phù hợp với quy định nêu trong Phụ lục số 1 của Hợp đồng này. Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng và trong tình trạng sử dụng tốt, được sản xuất từ năm 2023 trở về sau.

3.2 Hồ sơ kèm theo hàng hóa gồm:

- Hóa đơn thuế GTGT (Bản gốc);
- Chứng chỉ bảo hành của Bên B bảo hành **12 tháng** kể từ ngày phê duyệt biên bản nghiệm thu kỹ thuật (Bản gốc);
- Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (nếu có).
- Tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu (Bản copy)

Hồ sơ mời thầu của Bên A và Hồ sơ dự thầu của Bên B cho gói thầu số là tài liệu tham chiếu về kỹ thuật cho hàng hóa của hợp đồng này.

ĐIỀU 4. Giao nhận và kiểm tra hàng hóa:

4.1 Hàng hóa được giao nhận tại kho Vietsovpetro tại Thành phố Hồ Chí Minh (kho Trung tâm CNTT&LL) số 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, tp. Hồ Chí Minh. Hàng

hóa được giao phù hợp với yêu cầu quy định tại Điều 1 và Điều 3 của hợp đồng này trong thời hạn là **20 ngày lịch** tính từ ngày ký hợp đồng ghi ở trang 1.

Ngày giao hàng của hợp đồng này là ngày bên B giao đầy đủ hàng hóa và bộ chứng từ của hàng hóa theo quy định tại khoản 3.2 Điều 3 trong hợp đồng được ghi trong Biên bản giao nhận hàng do đại diện hai Bên ký như quy định tại mục 4.7 dưới đây. Nếu sau 10 ngày làm việc bên B không giao cho bên A đầy đủ bộ hồ sơ như quy định tại khoản 3.2 Điều 3 thì bên B sẽ phải nhận lại hàng.

Định kỳ 02 tuần/lần (trước ngày 15 và 30 hàng tháng), Bên B có trách nhiệm thông báo bằng email cho Bên A (địa chỉ email: thinhtc.hq@vietsov.com.vn; hungpv.ts@vietsov.com.vn) cập nhật tình hình đặt hàng, tiến độ sản xuất và kế hoạch giao hàng của hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên B gặp vướng mắc liên quan đến việc giao hàng thì Bên B cần khẩn trương thông báo cho Bên A bằng văn bản để hai bên phối hợp xem xét xử lý nhằm đảm bảo việc cung cấp hàng hóa cho Bên A theo đúng chất lượng và tiến độ của hợp đồng.

- 4.2 Hàng hóa được giao không quá **lần**. Bên B cam kết giao hàng đúng số lần quy định.
- 4.4 Dỡ hàng từ phương tiện của Bên B do Bên A đảm nhận bằng phương tiện, nhân lực và chi phí của mình.
- 4.5 Trong vòng 02 ngày trước khi giao hàng, Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A biết về số lượng, quy cách đóng gói hàng hóa để Bên A bố trí nhân lực và phương tiện bốc dỡ. Văn bản thông báo giao hàng phải được gửi cho Lãnh đạo Bên A, cử đại diện là:
 - Ông Đặng Đình Công
 - Giám đốc TT CNTT&LL – Liên doanh Việt- Nga Vietsovpetro
 - Địa chỉ: 105 Lê Lợi, Phường. Vũng Tàu, tp. Hồ Chí Minh
 - Tel: 0254. 3839871 Ext 2250 Fax: 0254. 3563858

- Văn bản thông báo giao hàng phải nêu rõ:

 - Số Hợp đồng qui chiếu.
 - Loại Hàng hóa giao bao gồm chủng loại, số lượng, khối lượng, và giá trị, các qui cách cơ bản về hàng sẽ giao.
 - Những hướng dẫn đặc biệt cần lưu ý Bên A khi tháo dỡ, lắp đặt...
- 4.6 Người của Bên B đến giao hàng phải có giấy giới thiệu của người đại diện ký Hợp đồng của Bên B.
- 4.7 Giao nhận hàng hóa: Đại diện của Liên Doanh Việt - Nga Vietsovpetro (là Trung tâm CNTT&LL) và đại diện của Bên B tham gia giao nhận, kiểm tra hàng hóa của hợp đồng này và lập Biên bản giao nhận hàng (theo Phụ lục số 2 của hợp đồng này) sẽ ghi rõ số lượng, tình trạng, các hồ sơ giao kèm theo hàng hóa. Biên bản giao nhận hàng phải được Lãnh đạo Trung tâm CNTT&LL phê duyệt. Biên bản giao nhận hàng là căn cứ để Bên A thanh toán cho Bên B.
- 4.8 Trong trường hợp cần thiết, bằng chi phí của mình, Bên A (giao cho Trung tâm CNTT&LL) có quyền trưng cầu cơ quan giám định độc lập tham gia giám định hàng hóa. Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ khi kết thúc giám định, cơ quan giám



định độc lập cung cấp Chứng thư giám định tình trạng và số lượng hàng hóa. Chứng thư giám định hàng hóa là căn cứ pháp lý để Bên A khiếu nại Bên B.

- 4.9 Nghiệm thu kỹ thuật hàng hóa: Sau khi Bên A kiểm tra chất lượng Hàng hóa được Bên B giao, Bên B có trách nhiệm hướng dẫn sử dụng hàng hóa cho Bên A để đảm bảo rằng Hàng hóa hoạt động đúng với các đặc tính kỹ thuật của Hàng hóa theo yêu cầu của Hợp đồng. Bên A lập biên bản nghiệm thu kỹ thuật của hàng hóa có xác nhận của đại diện hai Bên. Biên bản nghiệm thu này phải được Lãnh đạo Trung tâm CNTT&LL của Bên A phê duyệt làm cơ sở cho việc thanh toán theo Điều 8 của hợp đồng này.
- 4.10 Bên A có quyền từ chối nhận Hàng nếu Hàng hóa khi giao không đảm bảo chất lượng, như đã quy định ở Điều 1, Phụ lục số 1 cũng như không có đầy đủ bộ chứng từ đi kèm như quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này.
- 4.11 Bên B tự chịu trách nhiệm làm thủ tục hải quan cho hàng hóa nhập khẩu. Bên A cho phép Bên B được sử dụng hạn mức nhập khẩu của Bên A đã đăng ký tại Hải quan Tp. HCM để làm thủ tục nhập khẩu và hỗ trợ Bên B về mặt giấy tờ trong việc sử dụng hạn mức nhập khẩu của Bên A cho lô hàng nhập khẩu của Hợp đồng này để Bên B xin miễn thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng của giá trị hàng hóa nhập khẩu ghi trên Tờ khai Hải quan theo quy định cho Liên doanh Việt- Nga Vietsovpetro.
- 4.12 Để thuận tiện cho việc thông quan, làm các thủ tục miễn thuế nhập khẩu và miễn thuế giá trị gia tăng của giá trị hàng hóa nhập khẩu ghi trên Tờ khai Hải quan, hàng hóa Bên B nên nhập về cảng Tp. Hồ Chí Minh. Bên A không chịu trách nhiệm trả tiền thuế cho Bên B trong trường hợp nếu Bên B nhập hàng hóa về cảng khác mà không làm được thủ tục miễn thuế hoặc Bên B không sử dụng hạn mức nhập khẩu của Bên A.

ĐIỀU 5: BAO BÌ, ĐÓNG GÓI VÀ KÝ MÃ HIỆU:

- 5.1 Hàng hoá giao theo Hợp đồng này sẽ được đóng trong bao bì thích hợp theo tiêu chuẩn xuất khẩu, bảo đảm cho hàng hoá không bị hư hại, ăn mòn trong quá trình vận chuyển và thuận tiện cho bốc xếp, bốc dỡ.
- 5.2 Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trong trường hợp hàng hoá bị mất mát, hư hỏng do thiếu sót trong việc đóng gói Hàng hoá.
- 5.3 Hàng hoá có thể được ghi rõ ràng bằng sơn không xóa được trên bề mặt hoặc in trên tấm ghi nhãn dính trên từng kiện với các thông tin sau bằng tiếng Anh hay tiếng Việt:
 - Tên nhà sản xuất.
 - Tên Hàng.
 - Khối lượng (nếu có).
 - Số Hợp đồng (nếu có).
- 5.4 Bên B chịu toàn bộ phí tổn đối với mọi mất mát/ hư hại của Hàng hoá trong quá trình bốc xếp, bốc dỡ, vận chuyển do ghi ký mã hiệu không đúng, không đầy đủ cũng như chịu mọi chi phí vận chuyển, bảo quản, mất mát phát sinh thêm do Hàng hóa bị gửi nhầm địa chỉ do ghi ký mã hiệu sai.



ĐIỀU 6. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

- 6.1 Nếu Bên B giao hàng chậm thì Bên B phải chịu phạt 0,2%/ngày cho 10 ngày lịch chậm đầu tiên; phạt 0,3%/ngày cho những ngày lịch tiếp theo trên giá trị hợp đồng cho đến mức tổng số tiền phạt không quá 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm.
- 6.2 Nếu Bên B không giao đủ số lượng, chủng loại hàng hóa (như quy định ở Phụ lục số 1 của Hợp đồng này), thì bên B vi phạm nghĩa vụ hợp đồng này và phải chịu phạt một khoản tiền bằng 08% giá trị hợp đồng bị vi phạm.
- 6.3 Nếu bên B giao hàng không đảm bảo chất lượng như quy định tại Điều 3 của hợp đồng thì Bên A sẽ không nhận hàng và phạt Bên B theo mức phạt không giao đủ hàng như quy định tại mục 6.2 của hợp đồng này. Bên A có quyền chấp nhận/ không chấp nhận việc bên B sẽ cung cấp hàng mới thay thế cho hàng không đảm bảo chất lượng trên.
- 6.4 Nếu Bên B giao hàng chậm quá 02 tháng (60 ngày lịch) so với thời gian quy định tại mục 4.1 của hợp đồng này, ngoại trừ trường hợp bất khả kháng, thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và trong trường hợp này Bên B phải chịu phạt một khoản tiền bằng 08% giá trị hợp đồng bị vi phạm.
- 6.5 Vi phạm do cung cấp chậm/ cung cấp không đủ hàng hoá:
- 6.5.1. Nếu Bên B giao hàng chậm quá 60 ngày lịch so với thời gian quy định tại mục 4.1 của hợp đồng này, ngoại trừ trường hợp bất khả kháng, thì Bên A có quyền:
- a) Chỉ định bên thứ 3 có khả năng cung cấp hàng hóa. Trong trường hợp đó Bên B có trách nhiệm ký hợp đồng với bên được chỉ định để tiếp tục thực hiện công việc cung cấp cho bên A.
- Hoặc;
- b) Trực tiếp ký hợp đồng mua hàng/hàng hoá kèm dịch vụ của Bên thứ 3 để tiếp tục thực hiện công việc của hợp đồng. Trong trường hợp đó Bên B phải trả khoản tiền chênh lệch và các chi phí liên quan nếu có.
- Hoặc;
- c) Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và trong trường hợp này Bên B phải chịu phạt một khoản tiền bằng 08% giá trị của phần hợp đồng bị vi phạm hoặc giá trị của nhóm hàng bị vi phạm.
- 6.5.2. Nếu Bên B giao hàng chậm (một phần hàng hoá) quá 60 ngày lịch so với thời gian quy định tại mục 4.1 của hợp đồng này, ngoại trừ trường hợp bất khả kháng, thì Bên A có quyền:
- a) Chỉ định bên thứ 3 có khả năng cung cấp hàng hóa. Trong trường hợp đó Bên B có trách nhiệm ký hợp đồng với bên được chỉ định để tiếp tục thực hiện công việc cung cấp cho bên A.
- Hoặc;
- b) Trực tiếp ký hợp đồng mua hàng/hàng hoá kèm dịch vụ của Bên thứ 3 để tiếp tục thực hiện công việc của hợp đồng. Trong trường hợp đó Bên B phải trả khoản tiền chênh lệch và các chi phí liên quan nếu có.

Hoặc;

c) Đơn phương chấm dứt thực hiện tiếp hợp đồng và trong trường hợp này Bên B phải chịu phạt một khoản tiền bằng 08% giá trị của phần hợp đồng bị vi phạm.

- 6.6 Tổng các loại phạt không vượt quá 08% giá trị hợp đồng bị vi phạm.
- 6.7 Giá trị hợp đồng bị vi phạm ghi ở Điều 6 của hợp đồng này là giá trị không có thuế GTGT.
- 6.8 Để thu hồi khoản tiền phạt vi phạm, Bên A sẽ toàn quyền: 1) khấu trừ khoản tiền phạt vi phạm từ các khoản tiền mà Bên A sẽ thanh toán cho Bên B tại Hợp đồng này hoặc theo các hợp đồng khác được ký kết giữa hai bên; 2) Yêu cầu Ngân hàng cấp Bảo đảm thực hiện hợp đồng thanh toán ngay khoản tiền Bên B mở bảo lãnh cho Bên A ; 3) Bằng văn bản, yêu cầu Bên B thanh toán. Trong mọi trường hợp, Bên B cam kết nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình cho Bên A.
- 6.9 Việc bồi thường thiệt hại (nếu có) được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 7 Bảo hành

- 7.1 Bên B chịu trách nhiệm bảo hành chất lượng của hàng hóa trong thời hạn tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu hàng hóa. Điều kiện bảo hành theo đúng tiêu chuẩn bảo hành của nhà sản xuất.
- 7.2 Trong thời gian bảo hành nếu Bên A phát hiện có hư hỏng, sai sót về chất lượng hàng hóa thì Bên A sẽ thông báo kịp thời bằng fax/email cho Bên B biết để cùng nhau xác minh. Việc xác minh sai sót về chất lượng phải được Bên B tiến hành không chậm quá 15 ngày lịch kể từ ngày Bên B nhận được thông báo. Việc xác minh phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ kết luận về nguyên nhân gây ra hư hỏng, xác định trách nhiệm thay thế cái mới/sửa chữa các hư hỏng đó thuộc về bên nào và thời hạn thay thế/sửa chữa làm căn cứ pháp lý trong thực hiện hợp đồng này.
- 7.3 Tùy mức độ hư hỏng, nhưng không quá 15 ngày lịch kể từ ngày có kết luận về nguyên nhân hư hỏng, sai sót về chất lượng hàng hóa do lỗi của Bên B thì Bên B phải tiến hành sửa chữa các sai sót về chất lượng hoặc đổi lại hàng mới cho Bên A.
- 7.4 Trong thời hạn 07 ngày lịch kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A, nếu Bên B không trả lời thì coi như đã chấp nhận có sai sót về chất lượng hàng do lỗi của mình và có trách nhiệm phải sửa chữa các sai sót đó hoặc đổi lại hàng mới ngay trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên A thông báo tới Bên B.
- 7.5 Nếu Bên B tiến hành sửa chữa hoặc đổi lại hàng mới bị chậm so với thời hạn qui định ở mục 7.3 và 7.4 của hợp đồng này thì Bên B phải chịu phạt theo mức phạt giao hàng chậm như qui định ở mục 6.1 của hợp đồng này.
- 7.6 Trong thời hạn quy định trên tại Điều 7 của hợp đồng này, nếu Bên B không tiến hành khắc phục (sửa chữa các sai sót về chất lượng do lỗi của mình hoặc đổi lại hàng mới) thì Bên A có quyền tiến hành khắc phục (sửa chữa và/hoặc thay mới) và Bên B phải hoàn trả lại cho Bên A toàn bộ chi phí khắc phục, đồng thời phải chịu phạt 8% giá trị của mặt hàng này. Cách thức Bên A thu hồi tiền phạt từ Bên B quy định tại điều 6.8 của hợp đồng này.



- 7.7 Hàng hóa sau khi được Bên B sửa chữa và thay thế trong thời kỳ bảo hành sẽ được Bên B bảo hành tiếp tục đến hết thời hạn bảo hành theo qui định (có biên bản giao nhận hàng như quy định tại Phụ lục 02 của hợp đồng này).

ĐIỀU 8. Thanh Toán

- 8.1 Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị hóa đơn hàng đã giao bằng phương thức chuyển khoản qua ngân hàng trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ chứng từ thanh toán gồm:
- Công văn đề nghị thanh toán của Bên B (bản gốc).
 - Hóa đơn GTGT 02 bản (bản gốc hoặc bản thể hiện hóa đơn điện tử).
 - Hồ sơ giao kèm Hàng hóa qui định tại khoản 3.2 Điều 3 của Hợp đồng này.
 - Bản gốc biên bản giao nhận hàng qui định tại Khoản 4.7 Điều 4 của Hợp đồng này.
 - Bản gốc biên bản nghiệm thu kỹ thuật hàng hóa qui định tại Khoản 4.9 Điều 4 của hợp đồng này.
 - Bảo đảm thực hiện Hợp đồng (01 bản copy).
 - Tờ khai Hải quan hàng nhập khẩu (bản copy).
- 8.2 Bên A chỉ thanh toán cho Bên B đối với hàng hóa hoàn toàn phù hợp với yêu cầu nêu trong hợp đồng.
- 8.3 Số tài khoản giao dịch theo hợp đồng này duy nhất và không hủy ngang của Bên B:
- Tên đơn vị thụ hưởng:
 - Tài khoản số:
 - Mã số thuế :
- 8.4 Phí chuyển tiền do Bên A chịu.
- 8.5 Trong trường hợp có sai sót, mâu thuẫn các chứng từ thanh toán, Bên A sẽ thông báo cho Bên B trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được chứng từ thanh toán. Bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc phải hoàn chỉnh bộ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ và thời hạn thanh toán đương nhiên được kéo dài thêm tương ứng với thời gian và tiến độ thanh toán ghi trong Hợp đồng.

ĐIỀU 9: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng

- 9.1 Trong vòng **07 ngày làm việc** sau khi ký hợp đồng (ghi tại trang 01 của hợp đồng), Bên B phải nộp giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Phụ lục số 03 của hợp đồng này) được cấp bởi Ngân hàng có uy tín. Giá trị Bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 3 % tổng giá trị hợp đồng. Giấy bảo lãnh này có hiệu lực bằng thời hạn giao hàng quy định tại mục 4.1 hợp đồng này cộng thêm 60 ngày lịch.
- 9.2 Mọi chi phí liên quan đến việc phát hành giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng do Bên B chịu.
- 9.3 Trong thời gian quy định tại mục 9.1 nêu trên, Bên B phải nộp bản gốc bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên A. Nếu sau thời gian quy định nói trên, bên A không nhận được bảo lãnh thực hiện Hợp đồng thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt

Hợp đồng và thu hồi tiền bảo lãnh dự thầu của Bên B hoặc áp dụng quy định tại mục 6.8 của Hợp đồng này.

- 9.4 Bên B không được nhận lại Bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp Bên B từ chối/không thực hiện hợp đồng sau khi ký hợp đồng.
- 9.5 Trong trường hợp Bên B vi phạm trách nhiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại hợp đồng này thì khoản tiền bảo đảm được Bên A dùng để khấu trừ tiền phạt.
- 9.6 Bên B phải ngay lập tức yêu cầu Ngân hàng phát hành giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng thực hiện sửa đổi giấy Bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong trường hợp cần gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo lãnh này vì lý do chậm giao hàng hoặc gia hạn thời hạn giao hàng, đồng thời gửi ngay cho Bên A giấy Bảo lãnh đã gia hạn hiệu lực (Bản gốc) chậm nhất là 07 ngày làm việc trước khi Bảo lãnh cũ hết hiệu lực. Trường hợp Bên B chậm gia hạn hiệu lực bảo lãnh khi có yêu cầu của Bên A bằng văn bản thì Bên B sẽ chịu phạt 0.2% giá trị bảo lãnh tương ứng/mỗi ngày chậm. Tổng giá trị phạt này không vượt quá 8% giá trị bảo lãnh tương ứng.

ĐIỀU 10: Bất khả kháng

- 10.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép như: chiến tranh, bạo loạn, xung đột vũ trang, cấm vận, thiên tai (lũ lụt, bão, lở đất, động đất, sóng thần), hỏa hoạn, dịch bệnh (Epidemic, Pandemic) được WHO/Quốc gia công bố, lệnh phong tỏa Vùng/Quốc gia do Chính quyền sở tại áp đặt.
- 10.2 Bên gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến việc không thực hiện được nghĩa vụ theo hợp đồng do ảnh hưởng trực tiếp bởi các sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải ngay lập tức thông báo cho bên kia biết, bao gồm cung cấp thông tin, giải trình về sự ảnh hưởng trực tiếp của sự kiện bất khả kháng đến việc vi phạm thực hiện hợp đồng kèm chứng cứ chứng minh, các biện pháp đã được thực hiện để khắc phục vấn đề và giảm thiểu tổn thất. Việc chậm thông báo, cung cấp thông tin và giải trình nếu trễ hơn 14 ngày lịch sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra sẽ làm cho bên gặp bất khả kháng mất quyền miễn trách sau này vì lý do bất khả kháng.
- 10.3 Văn bản xác nhận của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền ở nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng là bằng chứng đủ để chứng minh sự kiện và thời gian xảy ra bất khả kháng.
- 10.4 Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài hơn 02 tháng, mỗi bên đều có quyền chấm dứt hợp đồng này mà không phải bồi thường bất cứ một khoản tiền nào cho bên kia.
- 10.6 Các khó khăn trong sản xuất như thiếu vật tư, điện, nhân công, hỏa hoạn, đình công... không được coi là bất khả kháng và không miễn cho Bên B nghĩa vụ giao hàng hoặc giao hàng muộn; Các thông tin từ trang báo, mạng và các phương tiện truyền thông khác chỉ mang tính chất tham khảo.

ĐIỀU 11: Giải quyết tranh chấp

- 11.1 Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng giữa hai bên trên tinh thần hợp tác, hai bên cùng có lợi và tôn trọng lẫn nhau.
- 11.2 Trường hợp tranh chấp không thể giải quyết bằng thương lượng thì sẽ được giải



quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) tại Hà Nội theo Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm này. Số lượng trọng tài viên là 03 người. Luật áp dụng là Luật Việt Nam.

Phán quyết của Trung tâm trọng tài là cuối cùng và buộc hai bên phải tuân thủ.

Án phí do bên thua kiện chịu.

ĐIỀU 12: Các điều khoản khác

- 12.1 Bất kỳ sự sửa đổi, bổ sung nào đối với Hợp đồng này đều phải được lập thành văn bản và có chữ ký của cả hai bên. Mọi giao dịch trong quá trình thực hiện Hợp đồng được các Bên thực hiện bằng văn bản và gửi theo đường bưu chính hoặc theo số Fax tới địa chỉ đăng ký hoặc số Fax của mỗi Bên ghi trong hợp đồng và email đến địa chỉ email...theo mẫu thể hiện tại Phụ lục số 5 (A, B) kèm theo.
- 12.2 Những điều không quy định hoặc quy định không đầy đủ trong Hợp đồng này sẽ căn cứ vào luật pháp Việt Nam hiện hành.
- 12.3 Không bên nào được chuyển quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này cho bên thứ ba mà không được sự đồng ý trước bằng văn bản của bên kia.
- 12.4 Trong quá trình thực hiện hợp đồng trường hợp xảy ra tranh chấp thì các văn bản dẫn chiếu được xem xét theo thứ tự ưu tiên xử lý theo thứ tự pháp lý như sau:
 - 1) Hợp đồng (kèm theo các Phụ lục hợp đồng);
 - 2) Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
 - 3) Báo cáo phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
 - 4) Điều kiện chung của hợp đồng;
 - 5) Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu trúng thầu;
 - 6) Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi hồ sơ mời thầu.
- 12.5 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng Bên B mở bảo lãnh thực hiện Hợp đồng (ngày hiệu lực của bảo lãnh) và hoàn thành việc ký Hợp đồng nhưng không muộn hơn 7 ngày làm việc so với ngày được ghi trên Hợp đồng và tiếp tục cho đến khi hai bên thực hiện hết trách nhiệm của mình như quy định trong hợp đồng.
- 12.5 Hết thời hạn hiệu lực của hợp đồng, nếu hai bên không có khiếu nại gì coi như hợp đồng đã được thanh lý.
- 12.6 Hợp đồng gồm trang và 05 Phụ lục (Phụ lục số 01: Danh mục hàng hóa, Phụ lục số 02: Biên bản giao nhận hàng, Phụ lục số 03: Bảo lãnh Thực hiện Hợp đồng, Phụ lục số 04: Biên bản nghiệm thu kỹ thuật, Phụ lục số 05 (A, B): Mẫu Phương thức giao dịch) được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt (có sử dụng tiếng Anh mô tả hàng hóa tại Phụ lục số 01), các bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản.



PHỤ LỤC 1

DANH MỤC HÀNG HÓA
Theo hợp đồng số:/25/CNTT-.....
Kèm đơn hàng số VT-3778/25-CNTT-TTH

ĐVT: VNĐ

STT	Tên hàng hoá/đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất - xuất xứ	ĐVT	Số Lượng	Đơn Giá	Thành Tiền
1						
2						
3						
4						
Tổng trị giá chưa bao gồm thuế GTGT						
Thuế GTGT%						
Tổng cộng						

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHỤ LỤC 2

PHÊ DUYỆT
Giám đốc
Trung tâm CNTT&LL

Đặng Đình Công
Ngày.....tháng.....năm 2025

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG
АКТ О ПРИЁМЕ - ПЕРЕДАЧЕ ТОВАРОВ

Ngày.... tháng.... năm 20....

Căn cứ HĐ (biên bản) số:

ký ngày.... tháng....năm 20...

На основнии Договора номер:

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây - Мы. Нижеподписавщиеся:

1- Đại diện bên giao - Представители поставщика:

- Ông (Bà) Chứcvụ:

- Ông (Bà): Chứcvụ:

2- Đại diện bên nhận - Представители получателя:

2.1 Trung tâm CNTT&LL

- Ông (Bà): Chứcvụ:

- Ông (Bà): Chứcvụ:

2.2 Đơn vị đặt hàng - Представители предприятия - заказчика:

- Ông (Bà): Chứcvụ:

- Ông (Bà): Chứcvụ:

- ...

Cùng nhau tiến hành giao nhận hàng hóa, cụ thể như sau: - Произвели приёмо - передачу следующих товаров на складе:...

STT	Tên hàng, Ký hiệu, Quy cách	ĐVT	Thực nhập Фак. Получение	Bao bì	Chất lượng hàng
-----	--------------------------------	-----	-----------------------------	--------	--------------------



П/П	Наименование. Марка товаров	ЕД	Số lượng Кол	Trọng lượng Вес	Tara	Chất lượng

CHỨNG TỪ KÈM THEO - Прилагаемые документы:

- Chứng chỉ phẩm chất -
Сертификат:.....
- Hóa đơn (phiếu xuất kho) -
Счёт:.....
- Bản kê chi tiết danh điểm mặt hàng (Перечень товаров) gồm __ bản __ tờ
- Các chứng từ khác - Другие документы :
.....
.....

Biên bản này chỉ lập một bản và chỉ có giá trị để làm thủ tục thanh toán sau khi được Giám đốc Trung tâm CNTT&LL phê duyệt.

Ngày giao hàng của lô hàng này là ...

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

Представители поставщика:

(Họ tên và chữ ký)

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

Представители получателя:

(Họ tên và chữ ký)

Ngày.....tháng.....năm 20....

Kiểm tra và xác nhận: Các mặt hàng nêu trên có số lượng, ký mã hiệu, xuất xứ hàng hóa, chứng chỉ chất lượng & được kiểm tra chất lượng v.v. phù hợp với các quy định của hợp đồng (Biên bản) Заключение:

Sостояние товаров. Количество марки. Место происхождения. Сертификат по качеству и проверка качества....вышеуказанных товаров соответствуют условиям Договора:



MẪU BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Ngày tháng năm

Kính gửi: Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro

Liên quan tới Hợp đồng _____ về việc _____ (sau đây được gọi là “Hợp đồng”) được ký giữa _____ (sau đây gọi là “BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH”) và _____ (sau đây gọi là “BÊN THỤ HƯỞNG”), chúng tôi, _____ có trụ sở chính tại _____ (sau đây gọi là “BÊN BẢO LÃNH”) phát hành Thư bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện cho bên thụ hưởng với số tiền là _____ (Bằng chữ: _____) (sau đây gọi là “THƯ BẢO LÃNH”).

THƯ BẢO LÃNH này có hiệu lực kể từ ngày phát hành và sẽ duy trì hiệu lực cho đến _____ sau đây gọi là "Ngày hết hiệu lực". Đối với bất cứ sự gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng Hợp đồng vượt quá thời gian được quy định trong THƯ BẢO LÃNH này, BÊN THỤ HƯỞNG sẽ không cần phải thông báo hoặc được sự đồng thuận của BÊN BẢO LÃNH. THƯ BẢO LÃNH này sẽ được gia hạn dựa trên yêu cầu bằng văn bản từ BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH để đảm bảo cho thời gian gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng của Hợp đồng.

BÊN BẢO LÃNH cam kết không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán ngay cho BÊN THỤ HƯỞNG một khoản tiền hay những khoản tiền, theo chỉ thị của BÊN THỤ HƯỞNG, tổng không vượt quá số tiền bảo lãnh nêu trên trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của BÊN THỤ HƯỞNG ghi rõ BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH đã vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Sau Ngày hết hiệu lực, THƯ BẢO LÃNH này sẽ tự động không còn giá trị cho dù bản gốc THƯ BẢO LÃNH và các Thư sửa đổi liên quan (nếu có) có được gửi trả lại BÊN BẢO LÃNH hay không.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi BÊN BẢO LÃNH cho BÊN THỤ HƯỞNG cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH hoặc của BÊN BẢO LÃNH hoặc của bất kỳ bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH và BÊN THỤ HƯỞNG về hoặc liên quan tới Hợp đồng hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

BÊN BẢO LÃNH hoặc BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH sẽ không được giải trừ bất cứ nghĩa vụ nào theo THƯ BẢO LÃNH này cho dù có bất cứ sự sửa đổi, thay đổi, thanh toán sai lệch, gia hạn nào liên quan tới Hợp đồng hay bất kỳ sự trì hoãn ân hạn nào của BÊN THỤ HƯỞNG trong hoặc liên quan đến bất cứ vấn đề gì của Hợp đồng.

Việc đòi tiền nhiều lần theo bảo lãnh này là được phép và theo đó, Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ tự động giảm tương ứng với số tiền mà Ngân hàng đã thực hiện thanh toán cho Bên thụ hưởng theo Thư bảo lãnh.

Thư bảo lãnh được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Thư bảo lãnh sẽ [do Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết theo quy định của pháp luật] / [sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC].

THƯ BẢO LÃNH này được phát hành duy nhất 01 (một) bản và không được phép chuyển nhượng.

TÊN NGÂN HÀNG BẢO LÃNH

(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 5 (A)

MẪU THƯ TÍN GIAO DỊCH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Ngày tháng.... năm 20....

Kính gửi: **Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro.**
105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0254. 3839 871
Fax: 0254. 3839 857

Người nhận: **Ông Đặng Đình Công**

**Giám đốc Trung tâm CNTT&LL- Liên doanh Việt- Nga
Vietsovetro**

Email: (minhpt.ts@vietsov.com.vn; hoabt.ts@vietsov.com.vn).

(Ghi nội dung giao dịch về Thay đổi về Hàng hoá, tiến độ, các nội dung liên quan tới giá trị HĐ, thanh toán.....) và tài liệu gửi đính kèm (nếu có)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 5 (B)



MẪU THƯ TÍN GIAO DỊCH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Ngày tháng năm 20...

Kính gửi: Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro

105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0254. 3839 871

Fax: 0254. 3839 857

Người nhận: - **Ông Đặng Đình Công Giám đốc Trung tâm CNTT&LL - Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro**

Email: (minhpt.ts@vietsov.com.vn; hoabt.ts@vietsov.com.vn).

(Ghi nội dung giao dịch về: Thông báo giao hàng, gửi chứng từ hàng hóa....; và tài liệu gửi đính kèm (nếu có)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký tên và đóng dấu)



Chương III:

Chương này bao gồm các tài liệu: Phạm vi cung cấp, Yêu cầu kỹ thuật, Tiêu chí đánh giá kỹ thuật và Các tài liệu kỹ thuật khác (nếu có)

(bao gồm 11 trang)





DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Thiết bị văn phòng và dụng cụ đồ gỗ cho Trung tâm CNTT&LL

Số ĐHXN - № заявки: 90.CNTT-0974/25-TVT

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во	Ghi Chú Примечание
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I. VẬT TƯ THIẾT BỊ						
1	054.001.00214	Ghế làm việc (xoay lưng trung) / Офисное кресло (вращающееся, со средней спинкой)	<ul style="list-style-type: none">- Loại ghế: ghế xoay lưng trung- Vật liệu bọc: da công nghiệp- Tay vịn: tay kim loại / hợp kim, có thể ốp gỗ hoặc bọc lớp vật liệu mềm- Khung tay: hợp kim thép / vật liệu chịu lực, mạ (chrome hoặc niken)- Cơ cấu nâng / điều chỉnh độ cao: trụ khí (gas lift) tiêu chuẩn- Cơ cấu nghiêng / khóa lưng: có khả năng nghiêng và khóa góc nghiêng- Chân ghế: chân sao 5 cánh, bằng kim loại mạ hoặc thép chịu lực- Bánh xe: 5 bánh xe chịu lực, di chuyển 360°- Tải trọng tối đa: từ 100 đến 150 kg	Pce	4,00	
2	054.001.01918	Bàn nước (dài 1000 mm × rộng 400 mm × cao 780 mm) / Журнальный стол (длина 1000 мм × ширина 400 мм × высота 780 мм)	<ul style="list-style-type: none">- Kích thước tổng thể: dài 1000 mm × rộng 400 mm × cao 780 mm- Chất liệu chính: gỗ tự nhiên đã qua xử lý tẩm sấy để chống cong vênh và mối mọt- Màu sắc / hoàn thiện: màu sồi phủ lớp dầu, phủ PU, hoặc lacquer bóng mờ để bảo vệ bề mặt- Cánh cửa: 2 cánh mở kiểu bản lề (qua bản lề ẩn hoặc bản lề euro)- Ngăn đựng: 2 ngăn đựng (kệ giữa chia không gian lưu trữ)- Gia công khung & mộng nối: liền khối, mộng âm dương, ke góc- Bản lề / phụ kiện: bản lề kim loại, vít inox / chống gỉ; ray trượt (nếu ngăn kéo)- Chân / đế: gỗ tự nhiên hoặc đế chịu lực, cao khoảng 50-100 mm hoặc thiết kế giấu chân- Khung chịu lực bên trong: thanh khung gỗ hoặc hộp gỗ gia cố bên trong để tăng độ cứng	Pce	1,00	



STT P/n	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во	Ghi Chú Примечание
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3	054.001.01739	Bàn gỗ di động (dài 715 mm × rộng 475 mm) / Передвижной деревянный стол (длина 715 мм × ширина 475 мм)	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước mặt bàn: dài 715 mm × rộng 475 mm - Kích thước chân đế: 710 mm × 580 mm (dạng chữ T hoặc chữ X, có bánh xe di động) - Chiều cao tổng thể: 770 mm (±10 mm) – có thể điều chỉnh, gấp gọn, hoặc thu hồi về kích thước 106 mm khi xếp chồng/gấp lại - Khung bàn: nhôm định hình cao cấp, bề mặt anodized/mạ tĩnh điện chống oxi hóa, liên kết bằng vít/ke chống rung - Mặt bàn: gỗ công nghiệp MDF phủ veneer PVC chống trầy xước, chống ẩm, chống bám bẩn - Độ dày mặt bàn: ≥ 20 mm - Mép bàn: dán nẹp PVC hoặc bo viền ABS chống sứt mẻ - Chân bàn: khung nhôm hộp (40×40 mm hoặc tương đương), sơn tĩnh điện màu bạc/đen - Bánh xe: 4 bánh xe cao su/PU chịu lực, xoay 360°, có khóa hãm cố định khi cần - Cơ cấu gấp/di động: bàn lè/thanh giằng thép, có khóa an toàn khi dựng lên hoặc gấp xuống 	Set	1,00	
4	054.001.02139	Mặt bàn làm việc (dài 1400 mm × rộng 650 mm) / Рабочая столешница (длина 1400 мм × ширина 650 мм)	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước mặt bàn: dài 1400 mm × rộng (sâu) 650 mm - Vật liệu chính: gỗ công nghiệp MFC (Melamine Faced Chipboard – ván dăm phủ melamine) - Độ dày ván: 25 mm - Lớp phủ bề mặt: Melamine dày 0,2–0,5 mm (chống trầy xước, chống thấm nước nhẹ, chống bám bẩn, dễ vệ sinh) - Cạnh bàn: dán nẹp PVC/ABS 2 mm, bo tròn an toàn 	Pce	1,00	
5	054.002.00511	Kệ đa năng 4 tầng (dài 900 × rộng 350 × cao 1400 mm) / Многофункциональная 4- ярусная полка (длина 900 мм × ширина 350 мм × высота 1400 мм)	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: dài 900 × rộng 350 × cao 1400 mm - 4 tấm ngăn phẳng inox 304 - Độ dày 1mm, lan can 3 mặt chống rơi đồ, chân hộp vuông có đế tăng chỉnh 	Pce	1,00	
6	055.014.00160	Bình thủy điện (4,0 lít/928 W) / Электрический термопот (4,0 л / 928 W)	<ul style="list-style-type: none"> - Dung tích chứa: 4,0 lít - Công suất điện: 928 W (khi đun sôi) - Nguồn điện: 220V – 240V, 50/60Hz - Vật liệu ruột bình: Inox 304 hoặc Inox không gỉ, an toàn thực phẩm - Vỏ ngoài: nhựa ABS chịu nhiệt hoặc thép phủ sơn tĩnh điện - Chức năng chính: đun sôi nước, giữ ấm tự động, hẹn giờ đun - Điều khiển: nút bấm cơ hoặc bảng điều khiển điện tử (LCD hiển 	Pce	1,00	



90.09-1.CNNT.PO.Requester

01/10/2025 14:00:52 PM

Trang 2/4

Thực hiện: B.T.Hoa-tel:2604

Page 30



STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во	Ghi Chú Примечание
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
			thị) - Tính năng an toàn: tự ngắt khi cạn nước, khóa an toàn trẻ em, bảo vệ quá nhiệt			
7	055.014.00004*	Bình đun nước siêu tốc (1,7 lít/3000 W) / Электрический чайник (1,7 л / 3000 W)	<ul style="list-style-type: none"> - Dung tích sử dụng: 1,7 lít - Công suất: 3000 W (khoảng 2,5–3 kW) - Vật liệu thân: thép không gỉ - Bộ lọc cặn vôi: Có - Nắp mở/đóng: Nắp mở 1 nút - An toàn & tính năng: Tự ngắt khi đun sôi / khi ấm được nhắc ra khỏi đế / bảo vệ khi đun khô - Thân ấm / kết cấu: Cơ chế 360° – đặt ấm từ mọi hướng lên đế 	Pce	2,00	
8	055.016.00058	Bộ ấm trà (0,7 lít) / Чайный набор (0,7 л)	<ul style="list-style-type: none"> - Dung tích bình trà: 0,7 lít - Chất liệu: Gốm sứ cao cấp, tráng men - Nhiệt độ nung: ~ 1380 °C (để đảm bảo độ bền, loại bỏ tạp chất) - Thành phần an toàn: Không chứa chì (Pb) và cadmium 	Set	1,00	



YÊU CẦU KỸ THUẬT ТЕХНИЧЕСКИЕ ТРЕБОВАНИЯ

Tên hàng hóa: Thiết bị văn phòng và dụng cụ đồ gỗ cho Trung tâm CNTT&LL
На приобретение: Офисное оборудование и мебель для ЦИТиС

1. Mục đích sử dụng / Цель использования:

Mua sắm thiết bị văn phòng và dụng cụ đồ gỗ trên cơ sở các đơn xin vật tư của CBCNV Trung tâm CNTT&LL, nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ cho hoạt động sản xuất / Закупка офисного оборудования и деревянной мебели на основании заявок на материалы от сотрудников ЦИТиС для удовлетворения потребностей производственной деятельности.

2. Yêu cầu chung đối với hàng hóa / Общие требования к товарам:

- Tình trạng hàng hoá: hàng hóa mới 100% và chưa qua sử dụng / Состояние товара: товары 100% новые и еще не используются.
- Năm sản xuất: không trước năm 2024 / Год выпуска: не ранее 2024.
- Trong chào hàng cần ghi rõ tên gọi, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật, nhà sản xuất và xuất xứ của từng mục vật tư / В предложении необходимо четко указать наименование, код, технические характеристики, производителя и происхождение каждой позиции материала.
- Thời hạn bảo hành: theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, nhưng không ít hơn 12 tháng tính từ ngày kí biên bản giao nhận hàng hóa / Гарантийный срок: согласно стандартам производителя, но не менее 12 месяцев с момента подписания товара с доставкой и получением.
- Địa điểm giao nhận bảo hành: tại kho của Trung tâm CNTT&LL, 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, TP.HCM / Гарантийное место доставки: на складе ЦИТиС, 105 Le Loi, Вунгтау Ward, город HCM.

3. Yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ / Технические и технологические требования:

Hàng hóa phải có đặc tính kỹ thuật tối thiểu như mô tả ở danh mục hàng hóa / Товары должны иметь как минимум минимальную спецификацию, указанную в списке товаров.

4. Thời gian và địa điểm giao hàng / Время и место доставки:

Trang: 1

- Thời hạn giao hàng: công ty dự thầu phải giao hàng trong vòng 20 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng / Время доставки: подрядчик должен поставить товар в течение 20 дней с даты подписания контракта.
 - Địa điểm giao hàng: tại kho của Trung tâm CNTT&LL, 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, TP.HCM / Гарантийное место доставки: на складе ЦИТиС, 105 Le Loi, Вунгтау Ward, город HCM.
 - Số lần giao hàng: không quá 1 lần / Количество раз доставки: не более 1 раз.
- 5. Yêu cầu về số lượng và đóng gói hàng hóa / Требования к количеству и упаковке товара:**
- Yêu cầu về số lượng hàng hoá cần cung cấp: công ty dự thầu phải cung cấp đủ số lượng trọn gói cho cả đơn hàng / Требования к количеству предоставляемого товара: претендент должен предоставить достаточное количество позиций в группе.
 - Hàng hóa phải được đóng gói và vận chuyển theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất / Товары должны быть упакованы и отправлены в соответствии со стандартами производителя.
- 6. Yêu cầu về tài liệu kỹ thuật / Требования к технической документации**
- Công ty dự thầu phải cung cấp catalog; mô tả nhà sản xuất, dòng sản phẩm (series và model) và đặc tính kỹ thuật chi tiết của hàng kèm theo chào hàng giai đoạn đấu thầu / Компании-участники торгов должны предоставить каталоги; Опишите производителя, линейку продукции (серию и модель) и подробные технические характеристики товара, сопровождающего предложение на этапе тендера.
 - Công ty dự thầu phải cung cấp hướng dẫn sử dụng, tài liệu kỹ thuật... khi giao hàng / Претендент должен предоставить инструкцию по применению, техническую документацию... при доставке.
- 7. Yêu cầu về chứng chỉ / Требования к сертификатам товаров:**
- Chứng chỉ bảo hành của Nhà cung cấp (Bản gốc) / Гарантийное свидетельство от поставщика (оригинал).
- 8. Phương pháp đánh giá / Метод оценки:**
- Dùng tiêu chí “Đạt” và “Không đạt” / Используя критерии «Удовлетворительно» и «Неудовлетворительно».
 - Hồ sơ chào thầu được đánh giá trọn gói theo danh mục hàng hóa / Тендерные документы оцениваются по всему перечню товаров.

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ BẰNG HÌNH THỨC “ĐẠT/KHÔNG ĐẠT” ĐỐI VỚI CÁC CHÀO HÀNG KỸ THUẬT
CUNG CẤP: THIẾT BỊ VĂN PHÒNG VÀ DỤNG CỤ ĐỒ GỖ CHO TRUNG TÂM CNTT&LL
КРИТЕРИИ ОЦЕНКИ ТЕНДЕРНЫХ ПРЕДЛОЖЕНИЙ ПО ПОСТАВКЕ ОФИСНОЕ ОБОРУДОВАНИЕ И МЕБЕЛЬ ДЛЯ
ЦИТИС С ИСПОЛЬЗОВАНИЕМ «УДОВЛЕТВОРИТЕЛЬНО/НЕУДОВЛЕТВОРИТЕЛЬНО»**

STT №	Tên gọi các tiêu chí Критерии	Nội dung chào hàng Содержание предложений	Đánh giá “Đạt/Không đạt” Оценка «Удовлетворитель- но/ Неудовлетворитель- но»	Lý do không đạt Причина «Неудовлетворит- ельно»	Ghi chú Примечание
1	2	3	4	5	6
1	Yêu cầu chung đối với hàng hóa / Общие требования к товарам				
1.1	Tình trạng hàng hoá / Состояние товара	Mới, chưa qua sử dụng / Новое и неиспользованное	Đạt / Удовлетворительно		
		Hàng cũ, phục hồi / Товары бывшие в употреблении, восстановленные	Không đạt / Неудовлетворитель- но	Không phù hợp với nhu cầu sử dụng của VSP / Не подходит для нужд ВСП	
1.2	Năm sản xuất / Год производства	Đúng theo yêu cầu / Соответствие с требованием	Đạt / Удовлетворительно		
		SX trước năm yêu cầu / Производство раньше требуемого года	Không đạt / Неудовлетворитель		



			NO		
1.3	Nội dung chào hàng / Содержание предложений	Ghi rõ tên gọi, ký mã hiệu, đặc tính kỹ thuật, nhà sản xuất và xuất xứ của từng mục vật tư, thiết bị / Указание наименования, макри, тех. характеристик производителя и страны происхождения каждого пункта материала/оборудования	Đạt / Удовлетворительно		
		Không rõ ràng / Неясно	Không đạt / Неудовлетворительно	Không có cơ sở để đánh giá / Нет оснований для оценки	
1.4	Bảo hành / Гарантия	Cam kết đúng thời hạn và các điều kiện theo yêu cầu / Подрядчик обязуется срок и условие в соответствии с требованиями	Đạt / Удовлетворительно		
		Không cam kết thời hạn BH theo yêu cầu hoặc không tuân thủ các điều kiện BH quy định trong YCKT / Подрядчик не обязуется срок в соответствии с требованиями или не соблюдает условия гарантии, указанным в ТТ	Không đạt / Неудовлетворительно		
1.5	Địa điểm giao nhận bảo hành / Гарантийное место доставки	Đúng theo yêu cầu / В соответствии с требованиями	Đạt / Удовлетворительно		
		Không cam kết giao nhận bảo hành tại kho Trung tâm CNTT&LL / Отсутствие обязательств по гарантийной доставке на склад ЦИТиС	Không đạt / Неудовлетворительно		
2	Yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ / Технические и технологические требования				
2.1	Các yêu cầu kỹ thuật chính / Основные технические требования				



2.1.1	Các thông số kỹ thuật giới hạn cho phép / Форма, структура	Đáp ứng hoàn toàn YCKT / Полностью соответствует требованиям ТТ	Đạt / Удовлетворительно		
		Không phù hợp / Не подходит	Không đạt / Неудовлетворительно		
2.1.2	Các thông số làm việc chính / Предельные технические характеристики	Đáp ứng hoàn toàn YCKT / Полностью соответствует требованиям ТТ	Đạt / Удовлетворительно		
		Không phù hợp / Не подходит	Không đạt / Неудовлетворительно		
3	Thời gian và địa điểm giao hàng / Время и место доставки:				
3.1	Thời gian giao hàng / Время поставки	Đúng theo yêu cầu / В соответствии с требованиями	Đạt / Удовлетворительно		
		Thời hạn cấp hàng dài hơn đến 30% so với YCKT nhưng có thể chấp nhận được để phục vụ sản xuất / Срок поставки превышает требования ТТ не более чем на 30%, но можно одобрить для обеспечения производства	Chấp nhận / Приемлемо		
		Thời hạn cấp hàng dài hơn 30% so với YCKT / Срок поставки превышает требования ТТ более чем на 30%	Không đạt / Неудовлетворительно		
3.2	Địa điểm giao hàng / Место поставки	Đúng theo yêu cầu / В соответствии с требованиями	Đạt / Удовлетворительно		
		Không cam kết giao hàng tại kho Trung tâm CNTT&LL / Отсутствие обязательств по доставке на склад ЦИТиС	Không đạt / Неудовлетворительно		
3.3	Số lần giao hàng / Количество раз доставки	Đúng theo yêu cầu / В соответствии с требованиями	Đạt / Удовлетворительно		
		Nhiều hơn 1 lần / Более 1 раз	Không đạt / Неудовлетворительно		



			no		
4	Yêu cầu về số lượng và đóng gói hàng hóa / Требования к количеству и упаковке товара				
4.1	Số lượng hàng hoá / Количество товара	Đúng theo yêu cầu / В соответствии с требованиями	Đạt / Удовлетворительно		
		Chào hàng không đủ số lượng cho cả đơn hàng / В предложении недостаточно количества для заявки	Không đạt / Неудовлетворительно	Không đảm bảo cung cấp đầy đủ hàng hoá phục vụ SX / Необеспечение достаточного снабжения товарами для производства	
4.2	Đóng gói / Упаковка	Đúng theo yêu cầu / В соответствии с требованиями	Đạt / Удовлетворительно		
		Không cam kết đóng gói theo yêu cầu / Никаких обязательств по упаковке в соответствии с требованиями	Không đạt / Неудовлетворительно	Hỏng hóc trong quá trình vận chuyển, lưu giữ / Возможность повреждения при транспортировке и хранении	
5	Tài liệu kỹ thuật / Техническая документация				
5.1	Cung cấp tài liệu cùng với chào thầu / Предоставить документы вместе с тендерным предложением	Cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu / Предоставление полных документов в соответствии с требованиями	Đạt / Удовлетворительно		
		Cung cấp tài liệu chưa đầy đủ theo yêu cầu nhưng không ảnh hưởng đến việc đánh giá / Предоставление неполных документов в соответствии с	Chấp nhận / Приемлемо		



		требованиями, но не влияющих на оценку			
		Không cung cấp tài liệu theo yêu cầu / Не предоставление полных документов в соответствии с требованиями	Không đạt / Неудовлетворительно	Không đủ cơ sở để đánh giá / Недостаточно оснований для оценки	
5.2	Cung cấp tài liệu kỹ thuật khi giao hàng / Техническая документация при доставке	Nhà thầu cam kết cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu / Подрядчик обязуется предоставить все требуемые документы	Đạt / Удовлетворительно		
		Cam kết cung cấp chưa đầy đủ tài liệu theo yêu cầu nhưng không ảnh hưởng đến việc sử dụng hàng hoá / Предоставить неполные документы по запросу, но не влияет на использование товаров	Chấp nhận / Приемлемо		
		Không cam kết cung cấp tài liệu theo yêu cầu / Подрядчик не обязуется предоставить все требуемые документы	Không đạt / Неудовлетворительно	Không đủ điều kiện để vận hành thiết bị/ vật tư / Недостаточно условия для эксплуатации оборудования/материалов	
6	Cung cấp chứng chỉ khi giao hàng / Предоставление сертификатов на доставку				
6.1		Nhà thầu cam kết cung cấp đầy đủ các chứng chỉ khi giao hàng theo yêu cầu / Подрядчик обязуется предоставить все необходимые сертификаты при доставке	Đạt / Удовлетворительно		



		Có thay đổi về hình thức chứng chỉ nhưng vẫn thể hiện đầy đủ thông tin về xuất xứ hay chất lượng hàng hoá / Есть изменения в форме сертификата, но он по-прежнему полностью отображает информацию о происхождении или качестве товара	Chấp nhận / Приемлемо		
		Không cam kết cung cấp 1 hoặc một số loại chứng chỉ / Подрядчик не обязуется предоставить один или несколько сертификатов	Không đạt / Неудовлетворительно	Không đảm bảo chất lượng hàng hoá theo yêu cầu / Не обеспечение требуемого качества товара	

ĐÁNH GIÁ / ОЦЕНКА:

- 1. Chào hàng được đánh giá ĐẠT YCKT khi tất cả các tiêu chí được đánh giá ĐẠT và CHẤP NHẬN / Предложение оценивается как “Удовлетворительно” ТТ, если все критерии оцениваются как “Удовлетворительно” и “Приемлемо”**
- 2. Chào hàng đánh giá KHÔNG ĐẠT YCKT khi có ít nhất một tiêu chí được đánh giá KHÔNG ĐẠT / Предложение оценивается как “Неудовлетворительно” ТТ, если имеет хотя бы один критерий “Неудовлетворительно”.**

